

Đạo Phật nhập thế để Hành Đạo, không phải để thế tục

ISSN: 2734-9195 09:00 26/08/2025

Dù là nhập thế hay xuất thế, dù là ly trần hay cư trần thì mục tiêu tối hậu của đạo Phật là giác ngộ, giải thoát. Do vậy bốn phần của người tu sĩ phải luôn răn mình trong từng hành vi, giữ chính niệm liên tục, không đứt đoạn trong từng khoảnh khắc.

Tác giả: **Nguyễn Thanh Huy** - Giảng viên Trường Đại học Khánh Hòa

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Người tu Phật cầu pháp xuất thế để giải thoát. Nhưng pháp Phật không nằm nơi xuất thế, mà ngay tại nơi trần thế. Nghĩa rằng chân lý giác ngộ chẳng ở đâu xa, mà hiện tiền trước mắt. Do vậy, một vị hành giả phải sống với thế tục và hành trì ngay tại thế gian này.



Trụ trì chùa Sinh Tồn, quần đảo Trường Sa cùng các chiến sỹ hải quân trên đảo - Ảnh: Minh Khang

Đây là chỗ quan trọng trong tu tập theo tinh thần của “Pháp Bảo Đàn kinh”. Lục Tổ Huệ Năng thuyết:

Hán văn:

□□□□

□□□□

□□□□

□□□□ .

Phiên âm:

Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mịch bồ đề

Cáp như cầu thố giác.

Dịch nghĩa:

Phật pháp ở thế gian

Không thể rời thế gian mà giác ngộ

Rời thế gian tìm giác ngộ

Giống như đi tìm sừng thỏ.

Vì sao chỉ ở thế gian mới có thể giác ngộ?

Vì nơi đây là khổ, là phiền não. Đó là điều kiện để hành giả chế ngự thân tâm. Ban đầu, một hành giả phải tập chế ngự được lục căn trước ngoại cảnh. Rồi dần đoạn diệt, tiến đến vô tâm, bất động, tức đạt cảnh giới tịch tĩnh, Niết bàn.

Trong “Pháp Bảo Đàn kinh”, nhiều lần Lục tổ Huệ Năng khai thị “phiền não là Bồ Đề”. Nghĩa rằng Bồ Đề hiện diện ngay trong phiền não. Hay nói cách khác, khi còn tâm phân biệt “phiền não” thì làm sao có thể hiển lộ Bồ Đề. Tinh thần cốt tủy của tâm thanh tịnh, trạng thái hư không hay tự tính uyên nguyên không tịch chính là chỗ vô chấp, vượt ngoài tư duy nhị nguyên có/không, sai/ đúng, tốt/xấu; sinh/diệt, còn/mất...

Nếu như xem “phiền não là Bồ Đề”, hoặc cụ thể hơn, một vị hành giả phải sống trong những nghịch cảnh, chuốc duyên để hành trì, rèn giũa; thì liệu rằng có gì mâu thuẫn khi những người tu khác lựa chọn trú xứ ở nơi thâm sơn cùng cốc, lánh xa thế tục? Điều này không phải là sự mâu thuẫn, cũng không phải là sự đối lập để lựa chọn giữa cái này đúng cái kia sai. Mà chúng chỉ là phương tiện được thực hiện trong những giai đoạn khác nhau của quá trình rèn luyện tâm thức. Lối thường, hành giả cần tìm một nơi vắng vẻ, yên tĩnh để thân tâm bớt đi những xúc chạm phiền não, uế trược, từ đó nuôi dưỡng tinh thần ngày càng trở nên kiên cố vững chãi. Rõ ràng khi trước mắt không có vật tục, trong tâm tự khắc an minh. Nhưng, nếu chỉ lánh xa thế tục để rèn tâm, thì chưa chắc vị hành giả, khi nhập thế, chứng kiến, đối mặt với muôn vàn thử thách mà có thể giữ được tâm an định, hay không may mắn khởi lên vọng niệm. Đây là chỗ đòi hỏi người tu phải hòa mình vào chúng sinh, sống trong khổ, chứng nghiệm khổ để diệt khổ; thấy phiền não để biết Niết bàn.

Có thể thấy sự khác nhau giữa nghịch cảnh và thuận cảnh, giữa nghịch duyên và thuận duyên trong hành trình tu tập là, nếu “thuận” sẽ giúp hành giả chế ngự, đoạn diệt tham si, thì “nghịch” có thể giúp đối trị được sân hận. Nhưng rốt cuộc, vô minh, chấp trước, phiền não không phải nằm nơi cảnh, mà ở nơi tâm, điều quan trọng là sự quán chiếu và giữ được chính niệm trong tâm ý của một vị hành giả.

Trong quan niệm tu hành là xuất thế hay nhập thế, ly trần hay cư trần, thì đến Đại thừa đã có bước đánh dấu chuyển mình rõ nét thông qua đường hướng thực hành Bồ tát đạo. Tức, ở đó tu chuyển từ tự lợi thành lợi tha, từ độ mình chuyển sang độ người. Như vậy, nghĩa nào đó, khi thực hành Bồ tát đạo, người tu đã bắt đầu bước vào con đường “dấn thân”. Họ phải sống với cộng đồng, thực hành đạo pháp phải mang lại những lợi lạc quần sinh. Có thể nói, đây là một cống hiến lớn lao của tư tưởng Đại thừa. Tuy nhiên, góc độ khác thì đạo Phật dần xa rời với đời sống phạm hạnh và những pháp hành nguyên thủy. Qua thời gian, chẳng những giáo pháp nguyên thủy ngày càng lùi xa mà còn bị một bộ phận tăng lữ lợi dụng qua việc hòa vào đời sống thế tục, nhân danh những việc đạo để làm việc đời và dần đánh mất luôn cả tinh thần Bồ tát đạo. Hạnh Bồ tát không được thực hành đầy đủ, việc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn trở nên xao nhãng thì lấy đâu ra lòng từ bi và trí tuệ. Họ không thoát khỏi những tam độc, ngũ trược. Họ ngày càng trượt dài trên con đường tham ái, sa ngã vào dục lạc danh vọng không khác gì con người thế tục. Nếu người tu nào như vậy thì tư cách còn tệ hại hơn cả người đời không tu.



Chùa Quán Sứ, Hà Nội - Ảnh: Minh Anh

Trên con đường thực hành Bồ tát đạo, trong lịch sử Phật giáo không hiếm những trường hợp tùy duyên hành đạo, mà ở đó vị tu sĩ đã chấp nhận phạm giới để cứu lấy chúng sinh. Như câu chuyện sử về nhân vật Hoàng Sào (835-884) - một thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân. Ông ta vốn tàn bạo và ghét đạo Phật, từng ra lệnh tàn sát tăng ni. Một lần khi chiếm được thành, ông ép một vị sư phải ăn thịt uống rượu, nếu không sẽ giết hết dân chúng. Vị cao tăng này đáp: “Xả nhất sinh cứu vạn dân” (Xả một đời, cứu vạn dân). Nói xong, ông chấp nhận phá giới, rồi tự vẫn để giữ trọn phẩm hạnh.

Hay tương tự, câu chuyện Trương Hiến Trung (1606- 1647) thời Minh, hãn nổi tiếng tàn độc, giết hàng loạt tăng sĩ ở Tứ Xuyên. Một lần, hãn cũng ép một cao tăng phạm giới. Vị tăng ấy đáp: “Tử ngã nhất nhân, hoạt thiên vạn mạng” (Chết một mình ta, cứu ngàn vạn mạng).

Còn có câu chuyện về Hòa thượng Nhất Định - người lập chùa Từ Hiếu (Huế) với một tấm lòng hiếu thảo sâu nặng tột cùng. Vì mẹ già yếu lại thêm trọng bệnh, dù chăm sóc thuốc thang đều đặn nhưng mẹ ông vẫn không khỏe. Để mẹ hồi phục, hàng ngày ông phải đi mấy cây số đến chợ mua cá về nấu ăn,

tắm bổ cho mẹ, mặc cho người đời đàm tiếu dị nghị.

Sau, lời đồn đến tai vua Tự Đức, ông cho người điều tra và hiểu ra, vua rất đồng cảm trước tấm lòng hiếu thảo ấy, bèn ban cho bức “Sắc tứ Từ Hiếu Tự”. Từ đó, chùa Từ Hiếu ra đời và cái tên mang ý nghĩa: “Từ” là đức lớn của Phật; “Hiếu” là hạnh đầu của Phật.

Lịch sử Phật giáo có như vậy, kể ra không phải là để cổ xúy hay khuyến khích việc phạm giới. Đạo Phật không bao giờ chỉ dạy những việc ấy. Ngược lại, luôn răn việc trì giới, xem giới luật là minh sư. Và chính giới luật là thứ để có thể duy trì tinh thần Phật giáo, cố kết tăng chúng và để nhận diện, phân biệt giữa đạo Phật với các tôn giáo khác. Nhưng đồng thời, đạo Phật không khuôn mẫu, cố chấp mà cởi mở, tùy biến theo lịch sử và địa lý. Cho nên, trong những tình huống nhất định, người hành đạo có thể đang thực hiện một sứ mệnh cao cả theo tinh thần nhập thế. Điều đó có thể được xem là lòng từ bi, trí tuệ và phương tiện thiện xảo.

Song, ngày nay tình hình Phật giáo nhân loại nói chung có nhiều sự biến đổi, xa rời, thậm chí sai lệch những nguyên lý tu tập căn bản của giáo pháp Như Lai. Một bộ phận người tu đã sa đà vào những việc làm của thế tục, chạy theo danh lợi tiền bạc, đua chen quyền cao chức trọng, ý thức vai trò, cái tôi bản thân mà quên đi tinh thần Vô ngã cốt yếu của đạo Phật. Từ đây, những việc làm, hành xử của bộ phận người tu đó không khác xa người đời, nếu có khác, chỉ là cái vỏ của tăng y và cái hình tướng của thầy tu. Và người ta lợi dụng vào khái niệm “tùy duyên” để thực hành một cách tùy ý, tùy tiện, hoặc buông thả, phó mặc, hoặc không làm gì cả rồi cứ ngụy biện rằng “tùy duyên”. Trong khi quan niệm “tùy duyên” có nội hàm thâm sâu, phản ánh từ Luật nhân quả và Lý duyên khởi. Hơn thế nữa, đó còn là tinh thần vô trụ vô chấp, hướng đến một tâm thế an nhiên, một thái độ ứng xử không cưỡng cầu trước mọi hoàn cảnh.

Tự trung, dù là nhập thế hay xuất thế, dù là ly trần hay cư trần thì mục tiêu tối hậu của đạo Phật là giác ngộ, giải thoát. Do vậy bốn phận của người tu sĩ phải luôn răn mình trong từng hành vi, giữ chính niệm liên tục, không đứt đoạn trong từng khoảnh khắc. Còn một tổ chức tăng đoàn, những vị có chức sắc phải luôn nhắc mình về cội rễ, mục đích của việc hình thành tăng chúng. Đó là để tăng nhân tu tập, để giáo hóa, để hoằng pháp độ sinh, chứ không phải để thế tục hóa để xa rời đạo pháp.

Tác giả: **Nguyễn Thanh Huy** - Giảng viên Trường Đại học Khánh Hòa

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025